

Số: 273/2024/QĐST-HNGĐ

L, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 682/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Huỳnh Thị Thu T**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: **Tổ G, ấp X - Bà K, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

- Ông **Lê Vũ Quốc H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **3 H, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà **Huỳnh Thị Thu T** và ông **Lê Vũ Quốc H** tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 184/2022 ngày 25 tháng 11 năm 2022. Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà **T** và ông **H** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung:* Bà **T**, ông **H** có 01 con chung là cháu **Lê Huỳnh Lam A**, sinh ngày 02/12/2022. Ly hôn các đương sự thỏa thuận, bà **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng

cháu **A**, tạm thời ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con của bà **T** và ông **H** là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Bà **T** và ông **H** mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 8 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

– *Về quan hệ hôn nhân*: Bà **Huỳnh Thị Thu T** và ông **Lê Vũ Quốc H** thuận tình ly hôn.

– *Về con chung*: Giao cháu **Lê Huỳnh Lam A**, sinh ngày 02/12/2022 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **H** có quyền thăm nom con không ai được cản trở, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

– *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

– *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Bà **Huỳnh Thị Thu T**, ông **Lê Vũ Quốc H** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0016203 ngày 20/8/2024 của **T** cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bà **T** và ông **H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Thảo cục THA.DS huyện Long Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ

Nguyễn Văn Thành